

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Hòa và bà Đặng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2024; về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Vi Văn H, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/5/2024, các lời khai sau đó và quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa

phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 27/7/2021. Thời gian đầu sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường, nhưng được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Đến tháng 01/2023 chị đã bỏ về Cao Bằng sống cùng bố mẹ đẻ cho đến nay. Chị và anh Vi Văn H không quan tâm, không liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với anh Vi Văn H, chị đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt và đề nghị không hòa giải.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên là Vi Bảo N, sinh ngày 02/10/2021. Hiện nay đang sống cùng với anh Vi Văn H, khi ly hôn chị yêu cầu anh Vi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi con đủ 18 tuổi và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương lẫn nhau và sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Vi Văn H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 con chung là cháu Vi Bảo N, sinh ngày 02/10/2021 cho anh Vi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đặng Thị N không cấp dưỡng cho con do anh Vi Văn H chưa yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết và đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Đặng Thị N do chị Đặng Thị N là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Vi Văn H nhưng anh Vi Văn H không cung cấp bản khai cho Tòa án và cũng không hợp tác nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh Vi Văn H được.

Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2024 với ông Vi Văn T là bố đẻ của anh Vi Văn H cho biết: Các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì ông đã giao cho anh Vi Văn H. Sau khi anh Vi Văn H nhận được các văn bản trên thì anh Vi Văn H đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị N. Về con chung anh Vi Văn H nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Bảo N đến khi trưởng thành và chưa yêu cầu chị Đặng Thị N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Vi Bảo N đang ở cùng với vợ chồng ông và anh Vi Văn H, cháu được chăm sóc đảm bảo tốt. Chị Đặng Thị N và anh Vi

Văn H trong quá trình chung sống thì ông không thấy có mâu thuẫn gì, nhưng từ tháng 01/2023 cho đến nay chị Đặng Thị N đi làm công ty cho không thấy về gia đình sinh sống lần nào, còn anh Vi Văn H đi làm công ty không biết thu nhập được bao nhiêu một tháng. Khi anh Vi Văn H đi làm công ty thì vợ chồng ông hỗ trợ anh Vi Văn H chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Vi Bảo N đảm bảo tốt.

Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2023 với ông Nông Văn Hòa - trưởng thôn S, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H trong quá trình chung sống thì ông cũng không thấy có mâu thuẫn gì, nhưng từ đầu năm 2023 cho đến nay thì không thấy chị Đặng Thị N về địa phương sinh sống lần nào, còn anh Vi Văn H hiện nay đi làm công ty thỉnh thoảng mới về địa phương sinh sống. Anh Vi Văn H hiện nay có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Anh Vi Văn H và chị Đặng Thị N có 01 con chung là cháu Vi Bảo N, hiện nay đang sinh sống cùng anh Vi Văn H Hùng và bố mẹ của anh Vi Văn H và thấy cháu Vi Bảo N được chăm sóc và nuôi dưỡng đảm bảo tốt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Đặng Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn H. Anh Vi Văn H không cung cấp bản khai nhưng qua ông bố đẻ anh Vi Văn H thì anh Vi Văn H cũng nhất trí ly hôn.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị N. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Vi Văn H.

Về con chung: Tuy anh Vi Văn H không hợp tác nhưng qua làm việc với ông Vi Văn T là bố đẻ của anh Vi Văn H thì anh Vi Văn H đồng ý nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Bảo N đến khi trưởng thành và chưa yêu cầu chị Đặng Thị N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Vi Bảo N đang ở cùng với vợ chồng ông và anh Vi Văn H, cháu được chăm sóc đảm bảo tốt. Khi anh Vi Văn H đi làm công ty thì vợ chồng ông hỗ trợ anh Vi Văn H chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Vi Bảo N đảm bảo tốt. Chị Đặng Thị N cũng đề nghị anh Vi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu, tránh cuộc sống bị xáo trộn, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh Vi Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đặng Thị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Vi Văn H chưa yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn chị Đặng Thị N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn chị Đặng Thị N đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Vi Văn H đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng không có mặt. Theo quy định tại Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vi Văn H, cư trú tại thôn S, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 27/7/2021, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị đơn anh Vi Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và cũng có ý kiến với bố đẻ là nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu

thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Vi Văn H không có ý kiến gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H có 01 con chung cháu tên là Vi Bảo N, sinh ngày 02/10/2021, hiện nay đang sống anh Vi Văn H. Nguyên đơn chị Đặng Thị N yêu cầu anh Vi Văn H tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Vi Bảo N đang sống với anh Vi Văn H được chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ, toàn diện và chị Đặng Thị N không đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Do vậy Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Vi Bảo N, sinh ngày 02/10/2021 cho anh Vi Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến con khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo cuộc sống không bị xáo trộn. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đặng Thị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Vi Văn H chưa yêu cầu. Chị Đặng Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị N và anh Vi Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Sán Chỉ), sống tại thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Vi Văn H. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 05, đăng ký ngày 27/7/2021 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vi Bảo N, sinh ngày 02/10/2021 cho anh Vi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Vi Văn H chưa yêu cầu. Chị Đặng Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Đặng Thị N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị N được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã X, huyện L;
- Các đương sự, NBVQLI HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

